

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1124/QĐ-TTg ngày 23/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường đại học thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN);

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo Tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trường phòng Khảo thí & ĐBCLGD Trường ĐH Luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 06 chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ định hướng nghiên cứu của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN bao gồm:

1. CTĐT chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính;
2. CTĐT chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự;

3. CTĐT chuyên ngành Luật hình sự và tổ tụng hình sự;
4. CTĐT chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;
5. CTĐT chuyên ngành Luật kinh tế;
6. CTĐT chuyên ngành Luật Quốc tế.

Nội dung các chương trình đào tạo sau điều chỉnh kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ nói trên được áp dụng cho sinh viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo và công tác Học sinh sinh viên, Trường các Phòng chức năng, Chủ nhiệm các Khoa chuyên môn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐBCL.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Quế Anh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

NGÀNH: LUẬT

CHUYÊN NGÀNH: LUẬT KINH TẾ

MÃ SỐ: 9380101.05

*(Ban hành theo Quyết định số 1885/QĐ-ĐHL, ngày 30 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Luật kinh tế

+ Tiếng Anh: Economic Law

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 9380101.05

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Luật

+ Tiếng Anh: Law

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Thời gian đào tạo:

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Tiến sĩ chuyên ngành Luật

+ Tiếng Anh: The Degree of Doctor in Law

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Luật kinh tế theo định hướng nghiên cứu nhằm đào tạo đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học có trình độ cao về lý luận và năng lực thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật kinh tế, có khả năng nghiên cứu và hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống có liên quan tới pháp luật kinh tế, có khả năng giảng dạy, truyền bá tư tưởng pháp lí, tham gia vào quá trình hoạch định, xây dựng và hoàn thiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực kinh tế phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế của đất nước. Với kiến thức, kĩ năng và phẩm chất được trang bị, người học sau khi tốt nghiệp chương trình có thể đáp ứng được những yêu cầu khắt khe nhất của thị trường lao động, đồng thời có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ sau tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Luật kinh tế nhằm trang bị cho người học:

- Về kiến thức

+ Hệ thống kiến thức cập nhật, toàn diện, chuyên sâu các vấn đề lý luận, thực tiễn về pháp luật kinh tế; giúp người học nắm vững và có khả năng phân tích, bình luận, đánh giá các quan điểm, học thuyết khác nhau về pháp luật trong lĩnh vực kinh tế từ lịch sử tới hiện tại; luận giải và dự báo được những vấn đề pháp lí mới có liên tới khoa học luật kinh tế ở Việt Nam và trên thế giới;

+ Khả năng tư duy hệ thống, nghiên cứu độc lập, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến pháp luật kinh tế.

- Về kĩ năng

+ Kĩ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên

cứu, giảng dạy và truyền bá các tư tưởng pháp lí, tư duy tranh biện học thuật về các vấn đề lý luận, thực tiễn có liên quan đến pháp luật kinh tế;

+ Kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá và giải quyết những vấn đề mới có ý nghĩa khoa học để đáp ứng nhu cầu công việc tại các cơ sở nghiên cứu, giảng dạy, các cơ quan xây dựng, thực thi pháp luật, các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức khác ở trong và ngoài nước;

+ Kỹ năng phân tích, đối sánh, đánh giá mức độ tương thích giữa các quy định của pháp luật quốc gia với pháp luật nước ngoài, các thông lệ và tập quán quốc tế trong lĩnh vực kinh doanh - thương mại, vận dụng kinh nghiệm nước ngoài vào giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra tại Việt Nam;

+ Kỹ năng xây dựng mạng lưới nghiên cứu, lãnh đạo, hướng dẫn chuyên môn trên lĩnh vực pháp luật kinh tế.

- Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

+ Giúp người học trở thành chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật kinh tế, có đầy đủ năng lực và phẩm chất để đảm nhiệm nhiều vị trí công tác khác nhau tại các cơ quan Đảng, các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp từ trung ương tới địa phương, các đơn vị nghiên cứu và đào tạo, các tổ chức quốc tế phi chính phủ, liên chính phủ, các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lí chuyên nghiệp, các doanh nghiệp, tập đoàn có nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực pháp luật kinh tế;

+ Giúp người học có phẩm chất chính trị vững vàng, trau dồi và phát triển đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần bảo vệ công lí, ý thức phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.

3. Thông tin tuyển sinh

Thông tin tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Luật được ĐHQGHN phê duyệt.

3.1. Hình thức tuyển sinh

Thực hiện xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐHQGHN.

3.2. Đối tượng dự tuyển

Thí sinh dự tuyển phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định ĐHQGHN và của Bộ GD&ĐT;

- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp hoặc bằng tốt nghiệp cử nhân chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp (Xem danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức của chương trình). Thí sinh có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT);

- Có kinh nghiệm nghiên cứu theo quy định của Trường và của ĐHQGHN;

- Đối với thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu một công bố khoa học (Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỳ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phân biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận);

- Có đề cương nghiên cứu theo quy định của Trường và của ĐHQGHN;

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu;

- Có năng lực ngoại ngữ theo quy định của ĐHQGHN và của Bộ GD&ĐT;

Lưu ý: Thí sinh là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài được xét tuyển theo quy định riêng của Trường và của ĐHQGHN.

3.3. Danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức tương ứng

- Đối với người có bằng thạc sĩ:

+ **Chuyên ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức:** Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế; Luật hợp tác kinh tế và kinh doanh quốc tế.

+ **Chuyên ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức:** Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật hiến pháp và luật hành chính; Pháp luật về quyền con người; Quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng; Luật biển và quản lý biển.

+ **Các học phần bổ sung:**

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Môi trường pháp lý kinh doanh	03
2	Pháp luật về các quan hệ lao động	03
3	Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng các biện pháp thay thế	02
Tổng		08

+ Trường hợp thí sinh có bằng thạc sĩ các chuyên ngành đào tạo khác được cấp bởi các cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc bằng thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở đào tạo trong nước nhưng là các chuyên ngành đào tạo thí điểm hoặc các chuyên ngành đào tạo mà tại thời điểm tuyển sinh đã không còn đào tạo hoặc đã thay đổi tên chuyên ngành thì tùy vào từng trường hợp, căn cứ vào bảng điểm của thí sinh, Trường sẽ xem xét và quyết định theo quy định hiện hành.

- **Đối với người chưa có bằng thạc sĩ:** Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế; Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về luận án

- Là công trình khoa học có đóng góp mới cho khoa học pháp lý; góp phần xây dựng, hình thành hoặc hoàn thiện hệ thống lý thuyết và nhận thức, cách tiếp cận chiến

lược, giải pháp mới để giải quyết những vấn đề lý luận, thực tiễn đang đặt ra, phù hợp với chuyên ngành Luật kinh tế;

- Đánh giá được tổng quan tình hình nghiên cứu, tài liệu nghiên cứu đã công bố trong và ngoài nước trong lĩnh vực pháp luật kinh tế có liên quan đến đề tài nghiên cứu của luận án; đưa ra những câu hỏi nghiên cứu có ý nghĩa; các giả thuyết khoa học đủ sức thuyết phục; phương pháp nghiên cứu đáng tin cậy và phù hợp để công bố những luận điểm khoa học mới đóng góp cho khoa học pháp lý;

- Thể hiện được đầy đủ kiến thức cốt lõi, nền tảng và những kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu về đề tài nghiên cứu thuộc chuyên ngành Luật kinh tế; làm chủ các lý thuyết khoa học và phương pháp nghiên cứu trong việc giải quyết đề tài nghiên cứu; phân tích, đánh giá được các vấn đề pháp lý liên quan đến đề tài nghiên cứu để từ đó đưa ra những giải pháp mang tính sáng tạo, độc đáo;

- Tổng hợp, đưa ra những kết quả nghiên cứu có giá trị đối với khoa học pháp lý nói chung và pháp luật kinh tế nói riêng, xét cả về lý thuyết khoa học cũng như trong thực tiễn áp dụng;

- Đáp ứng các yêu cầu về hình thức của một luận án tiến sĩ luật, các yêu cầu về quy trình phê duyệt đề tài theo Quy chế đào tạo tiến sĩ tại ĐHQGHN và các yêu cầu về liêm chính học thuật, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

2. Chuẩn đầu ra về năng lực nghiên cứu

+ PLO1: Có khả năng dự báo các vấn đề của khoa học pháp lý cơ bản và chuyên ngành Luật kinh tế; phát hiện các vấn đề khoa học đang bỏ ngỏ; đề xuất các ý tưởng khoa học mới;

+ PLO2: Có khả năng thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu; đánh giá, phản biện các công trình, luận cứ khoa học; nghiên cứu sáng tạo, phát triển tri thức mới; lập luận, viết bài báo, báo cáo khoa học, đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật kinh tế;

+ PLO3: Nghiên cứu đối sánh, tham khảo chọn lọc trên phương diện luật học so sánh lý luận và kinh nghiệm thực tiễn nước ngoài vào điều kiện của Việt Nam;

+ PLO4: Định hướng, dẫn dắt người khác trong hoạt động nghiên cứu khoa học; tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn, các đề tài nghiên cứu khoa học trong chuyên ngành Luật kinh tế và các đề tài khoa học mang tính xuyên ngành, liên ngành, đa ngành có liên quan;

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

+ PLO5: Làm chủ các kiến thức cốt lõi, nền tảng của pháp luật kinh tế và các kiến thức khác có liên quan đến việc xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật kinh tế;

+ PLO6: Phân tích, tổng hợp được hệ thống kiến thức tiên tiến, hiện đại, chuyên sâu về những vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật kinh tế tại Việt Nam và trên thế giới;

+ PLO7: Đánh giá, phản biện được các chủ chương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế để trên cơ sở đó đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng;

+ PLO8: Phát triển tư duy hệ thống và liên ngành trong tổ chức nghiên cứu khoa học, phát hiện, phát triển các kiến thức mới thuộc chuyên ngành Luật kinh tế;

4. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

- Về kỹ năng chuyên môn:

+ PLO9: Làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực pháp luật kinh tế, bao gồm hệ thống phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý, khoa học kinh tế, khoa học xã hội, phương pháp nghiên cứu xuyên ngành, liên ngành, đa ngành... Đồng thời, có khả năng vận dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau để thực hiện có hiệu quả các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực pháp luật kinh tế;

+ PLO10: Phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề pháp lý mới phát sinh trong thực tiễn, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn cho chuyên ngành Luật kinh tế;

+ PLO11: Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế về các vấn đề chuyên môn,

phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học, giảng dạy, truyền bá các tư tưởng pháp lí trong lĩnh vực pháp luật kinh tế nói riêng và khoa học pháp lí nói chung;

- Về kĩ năng hỗ trợ:

+ PLO12: Thành thạo các kĩ năng hỗ trợ cần thiết của một nhà khoa học như: tìm kiếm thông tin; trình bày, truyền đạt kết quả nghiên cứu trong các diễn đàn khoa học; giảng dạy; thiết lập mạng lưới nghiên cứu giữa các cơ sở nghiên cứu, giảng dạy quốc gia và cơ sở nghiên cứu, giảng dạy quốc tế về pháp luật kinh tế;

5. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ PLO13: Tự định hướng và thích ứng nhanh với những biến đổi của môi trường làm việc mang tính quốc tế; không ngừng học tập, nghiên cứu để tiếp nhận và phát triển tri thức mới, đặc biệt là những vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật kinh tế;

+ PLO14: Thể hiện vai trò dẫn dắt, lãnh đạo đối với tập thể và tầm ảnh hưởng tới sự phát triển của cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi mình làm việc; đưa ra những đề xuất, sáng kiến, quyết định có giá trị khoa học và thực tiễn cao, mang tính chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo;

+ PLO15: Đề xuất các đề tài khoa học, chủ trì hoặc tham gia thực hiện các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học liên quan tới quyền con người từ cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp Nhà nước; tổ chức việc phổ biến, triển khai, ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn;

+ PLO16: Thể hiện rõ ràng, nhất quán nhân cách, đạo đức, thái độ ứng xử cá nhân đúng yêu cầu của một nhà khoa học có trình độ học vấn tiến sĩ; cầu thị, hợp tác, tôn trọng đồng nghiệp trong cuộc sống và hoạt động khoa học; đam mê nghiên cứu khoa học, có tinh thần học tập suốt đời;

+ PLO17: Thể hiện rõ ràng, nhất quán đạo đức nghề nghiệp của một chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật; trung thực, bản lĩnh, chuyên nghiệp, chủ động, tự tin trong công việc; sáng tạo, dám chịu trách nhiệm và biết lắng nghe;

+ PLO18: Nhận thức và hành động đúng đắn trong mọi hoàn cảnh nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, cộng đồng và xã hội; định hướng, dẫn dắt cộng đồng trong việc thực hiện trách nhiệm công dân phù hợp với lợi ích quốc gia, dân tộc.

6. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Luật kinh tế, nghiên cứu sinh có thể đảm nhiệm các công việc nhưng không giới hạn ở các vị trí sau:

- Nhóm 1: Nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đơn vị đào tạo về pháp luật kinh tế (các trung tâm nghiên cứu; viện nghiên cứu; các trường đại học, cao đẳng...) trong và ngoài nước;

- Nhóm 2: Chuyên gia làm công tác tham mưu, tư vấn, xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực kinh tế tại các cơ quan của Đảng, cơ quan Nhà nước từ trung ương đến địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội...;

- Nhóm 3: Chuyên gia tư vấn, xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật kinh tế cho các dự án, chương trình, các tổ chức quốc tế phi chính phủ, liên chính phủ...;

- Nhóm 4: Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, các doanh nghiệp, tập đoàn có nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người học có thể tiếp tục tự học, nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu bản thân; tham gia các chương trình đào tạo sau tiến sĩ về luật kinh tế, các chương trình trao đổi học giả; hoặc thực hiện các dự án nghiên cứu khác tại các đơn vị nghiên cứu, đào tạo hàng đầu về khoa học pháp lý trong và ngoài nước.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 90 tín chỉ, trong đó:

- | | |
|---|------------|
| - Các học phần tiến sĩ: | 06 tín chỉ |
| + <i>Bắt buộc</i> : | 04 tín chỉ |
| + <i>Tự chọn</i> : | 02 tín chỉ |
| - Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: | 06 tín chỉ |

- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo:
- Luận án tiến sĩ: 78 tín chỉ

1.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 120 tín chỉ, trong đó:

- Học phần bổ sung: 30 tín chỉ
 - + *Bắt buộc*: 22 tín chỉ
 - + *Tự chọn*: 8 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ: 06 tín chỉ
 - + *Bắt buộc*: 04 tín chỉ
 - + *Tự chọn*: 02 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: 06 tín chỉ
- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo
- Luận án tiến sĩ: 78 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Các học phần tiến sĩ		6				
I.1	Các học phần bắt buộc		4				
1	UL8000	Phương pháp nghiên cứu khoa học và giảng dạy pháp luật <i>Legal Research and Teaching Methods</i>	2	18	6	6	
2	BSL8006	Quy chế thương nhân so sánh <i>Comparative Legal Regulations on Traders</i>	2	18	6	6	
I.2	Các học phần tự chọn		2/8				

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
3	BSL8005	Pháp luật điều tiết thị trường lao động <i>Labour Market Regulations</i>	2	18	6	6	
4	BSL8011	Hệ thống các chế tài và áp dụng chế tài đối với các vi phạm hợp đồng kinh tế <i>Remedies and Application for the Breach of Commercial Contract</i>	2	18	6	6	
5	BSL8012	Pháp luật hợp đồng trong các chuyên ngành kinh doanh <i>Specialized Business Contracts Law</i>	2	18	6	6	
6	BSL8013	Pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường <i>Controlling Environment Pollution Law</i>	2	24	0	6	
II	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và nghiên cứu khoa học		6				
II.1	Tiểu luận tổng quan		2				
7	BSL8032	Tiểu luận tổng quan <i>Literature Review</i>	2				
II.2	Chuyên đề tiến sĩ		4				
8	BSL8030	Chuyên đề 1 <i>Doctoral Sub-thesis 1</i>	2				
9	BSL8031	Chuyên đề 2 <i>Doctoral Sub-thesis 2</i>	2				

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
II.3	Nghiên cứu khoa học ^(*)						
III	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo ^(**)						
IV	Luận án		78				
10	BSL8033	Luận án <i>Doctoral Thesis</i>	78				
Tổng cộng			90				

Ghi chú:

- - (*) Nghiên cứu khoa học là hoạt động bắt buộc của NCS trong thời gian đào tạo. NCS phải xây dựng kế hoạch, triển khai và công bố các kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án đáp ứng CDR của CTĐT, đồng thời có xác nhận và minh chứng về việc tham gia trực tiếp các đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan đến đề tài luận án.

- (***) Trong thời gian đào tạo, Trường có kế hoạch cụ thể cho NCS tham gia sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do Khoa chuyên môn hoặc Trường tổ chức; tham gia các hoạt động trợ giảng, hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hành, thảo luận, nghiên cứu khoa học, làm khóa luận, niên luận, tiểu luận theo yêu cầu của Khoa chuyên môn và Trường.

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Học phần bổ sung		30				
I.1	Các học phần bắt buộc		22				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	45	5	10	
2	BSL6070	Môi trường pháp lý kinh doanh <i>Legal Environment of Business</i>	3	27	9	9	
3	BSL6022	Pháp luật về các quan hệ lao động <i>Labour Relations Law</i>	3	27	9	9	
4	BSL6054	Pháp luật về quyền sử dụng đất ở Việt Nam <i>Land Use Rights in Vietnam</i>	2	18	6	6	
5	BSL6055	Pháp luật về hoạt động tín dụng ngân hàng <i>Bank Credits Law</i>	2	18	6	6	
6	BSL6028	Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng các biện pháp thay thế <i>Alternative Dispute Resolution</i>	2	18	6	6	
7	BSL6078	Những vấn đề pháp lí về kinh doanh có trách nhiệm <i>Legal Issues of Responsible Business</i>	2	18	6	6	
8		Chuyên đề nghiên cứu* (chọn 01 trong 03 chuyên đề sau)					
	BSL6080	Chuyên đề nghiên cứu 1: Pháp	4	5	10	45	

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		luật thương mại <i>Essay 1: Commercial Law</i>					
	BSL6081	Chuyên đề nghiên cứu 2: Pháp luật tài chính - ngân hàng và pháp luật lao động - an sinh xã hội <i>Essay 2: Financial - Banking Law and Labour and Social Security Law</i>	4	5	10	45	
	BSL6082	Chuyên đề nghiên cứu 3: Pháp luật đất đai - môi trường <i>Essay 3: Land and Environment Law</i>	4	5	10	45	
I.2	Các học phần tự chọn		8/31				
9	BSL6042	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng <i>Consumer Protection Law</i>	2	18	6	6	
10	BSL6051	Pháp luật phá sản <i>Bankruptcy Law</i>	3	27	9	9	
11	BSL6025	Những vấn đề pháp lý về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững <i>Legal Issues of Green Growth and Sustainable Development</i>	2	18	6	6	
12	BSL6072	Pháp luật về giải quyết tranh chấp đất đai	2	18	6	6	

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Land Dispute Resolution</i>					
13	BSL6073	Pháp luật về giải quyết tranh chấp môi trường <i>Environment Dispute Resolution</i>	2	18	6	6	
14	BSL6056	Pháp luật về thuế áp dụng đối với doanh nghiệp <i>Corporate Taxation Law</i>	2	18	6	6	
15	BSL6030	Pháp luật về phát hành và giao dịch chứng khoán <i>Securities Issuance and Trading Law</i>	2	18	6	6	
16	BSL6039	Pháp luật về cho thuê tài chính <i>Financial Leasing Law</i>	2	18	6	6	
17	BSL6074	Pháp luật về quản trị tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Financial Management Law</i>	3	27	9	9	
18	BSL6037	So sánh pháp luật về tổ chức kinh doanh <i>Comparative Business Organization Law</i>	3	27	9	9	
19	BSL6050	Pháp luật bảo vệ người lao động <i>Labour Protection Law</i>	3	27	9	9	
20	BSL6075	Những vấn đề pháp lí về đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài	2	18	6	6	

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Legal Issues of Sending Vietnamese People Working Abroad</i>					
21	BSL6053	Pháp luật về hợp đồng lao động <i>Labour Contract Law</i>	3	27	9	9	
II	Các học phần tiên sĩ		6				
II.1	Các học phần bắt buộc		4				
22	UL8000	Phương pháp nghiên cứu khoa học và giảng dạy pháp luật <i>Legal Research and Teaching Methods</i>	2	18	6	6	
23	BSL8006	Qui chế thương nhân so sánh <i>Comparative legal regulations on traders</i>	2	18	6	6	
II.2	Các học phần tự chọn		2/8				
24	BSL8005	Pháp luật điều tiết thị trường lao động <i>Labour Market Regulations</i>	2	18	6	6	
25	BSL8011	Hệ thống các chế tài và áp dụng chế tài đối với các vi phạm hợp đồng thương mại <i>Remedies and Application for the Breach of Commercial Contract</i>	2	18	6	6	
26	BSL8012	Pháp luật hợp đồng trong các chuyên ngành kinh doanh	2	18	6	6	

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Specialized Business Contract Law</i>					
27	BSL8013	Pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường <i>Controlling Environment Pollution Law</i>	2	24	0	6	
III	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và nghiên cứu khoa học		6				
<i>III.1</i>	<i>Tiểu luận tổng quan</i>		<i>2</i>				
28	BSL8032	Tiểu luận tổng quan <i>Literature Review</i>	2	0	0	30	
<i>III.2</i>	<i>Chuyên đề tiến sĩ</i>		<i>4</i>				
29	BSL8030	Chuyên đề 1 <i>Doctoral Sub-thesis 1</i>	2	0	0	30	
30	BSL8031	Chuyên đề 2 <i>Doctoral Sub-thesis 2</i>	2	0	0	30	
<i>III.3</i>	<i>Nghiên cứu khoa học^(**)</i>						
IV	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo^(***)						
V	Luận án tiến sĩ		78				
31	BSL8033	Luận án tiến sĩ <i>Doctoral Thesis</i>	78				
Tổng cộng			120				

Ghi chú:

- (*) NCS chọn một trong ba chuyên đề nghiên cứu trong CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Luật kinh tế tương ứng của Trường.

- - (***) Nghiên cứu khoa học là hoạt động bắt buộc của NCS trong thời gian đào tạo. NCS phải xây dựng kế hoạch, triển khai và công bố các kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án đáp ứng CDR của CTĐT, đồng thời có xác nhận và minh chứng về việc tham gia trực tiếp các đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan đến đề tài luận án.

- (***) Trong thời gian đào tạo, Trường có kế hoạch cụ thể cho NCS tham gia sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do Khoa chuyên môn hoặc Trường tổ chức; tham gia các hoạt động trợ giảng, hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hành, thảo luận, nghiên cứu khoa học, làm khóa luận, niên luận, tiểu luận theo yêu cầu của Khoa chuyên môn và Trường.